

## BẢO TÀNG BẮC NINH VỚI VIỆC BẢO TỒN HỆ THỐNG DI SẢN VĂN HÓA HÁN - NÔM

THS. PHAN THỊ AN NGỌC - VŨ THỦY\*

**H**ệ thống di sản Hán - Nôm/di sản Nho giáo là một thành tố trong kho tàng di sản văn hóa dân tộc, góp phần tạo nên nét đa dạng văn hóa cũng như bản sắc văn hóa Việt Nam. Di sản Hán - Nôm là phương tiện chuyển tải tư tưởng Nho giáo với tư cách là một loại tài liệu khoa học chứa đựng nhiều thông tin về các lĩnh vực của đời sống xã hội, là mối dây liên kết giữa quá khứ và hiện tại và gìn giữ cho thế hệ tương lai một chiều dài lịch sử đậm đà bản sắc dân tộc. Nước ta có 2 di sản Hán - Nôm đã được UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương công nhận là di sản ký ức/tư liệu của nhân loại là "Châu bản triều Nguyễn" và hệ thống bia ở Văn miếu Quốc Tử giám Hà Nội.

Bắc Ninh là một vùng đất có bề dày truyền thống, với nhiều di sản văn hóa tiêu biểu, trong đó, phải kể đến loại hình di sản văn hóa Hán - Nôm. Đối với một bảo tàng địa phương mang tính chất tổng hợp như Bảo tàng Bắc Ninh, thì đây là một trong những loại hình di sản quý cần được gìn giữ và phát huy. Tại Bảo tàng Bắc Ninh hiện đang lưu trữ và bảo quản một lượng lớn tư liệu Hán - Nôm, gồm nhiều loại hình, như thần tích, sắc phong, địa bạ, gia phả, văn tế, văn cúng, văn bia, văn chuông, hoành phi, câu đối,... Trong số này, đáng chú ý nhất là hệ thống bia đá cổ, hiện đang được trưng bày tại khuôn viên của Bảo tàng. Có thể nói, đây là hệ thống tư liệu được khắc trên chất liệu có độ bền

cao (đá), ít phải chịu sự tác động của thiên nhiên và con người.

Bảo tàng hiện đang trưng bày và lưu trữ 64 hiện vật bằng đá có khắc chữ (Hán - Nôm), với nhiều hình dạng, kích thước và nội dung khác nhau. Những hiện vật này chứa đựng nhiều thông tin quan trọng về lịch sử - văn hóa, mà thông qua đó, các nhà nghiên cứu có thể hiểu thêm về lịch sử hình thành một vùng đất, công lao của một số danh nhân đối với lịch sử của dân tộc, phong tục, tín ngưỡng của một cộng đồng dân cư. Căn cứ theo nội dung, có thể phân chia thành các nhóm sau:

### 1. Bia ghi về truyền thống khoa bảng

Bắc Ninh - Kinh Bắc là nơi có truyền thống hiếu học, khoa bảng vẻ vang tiêu biểu hàng nhất của cả nước. Để tôn vinh và phát huy truyền thống hiếu học - khoa bảng vẻ vang của cha ông, ngay từ thời Lê, nhân dân Bắc Ninh - Kinh Bắc đã chú trọng xây dựng Văn miếu hàng tỉnh và Văn miếu, Văn chỉ hàng huyện, hàng tổng, hàng xã, đồng thời dựng bia lưu danh, như:

- Bia "Tái tạo Văn miếu bi", dựng năm Vĩnh Trị thứ 2 (1676), chất liệu đá xanh, kích thước (100 x 80 x 20)cm, ghi việc tôn tạo Văn miếu xã Trà Lâm, huyện Siêu Loại (nay là thôn Trà Lâm, xã Trí Quả, huyện Thuận Thành). Hai mặt trán bia chạm lưỡng long châu nguyệt và vân mây. Hiện chỉ còn thạc bản bia lưu tại Bảo tàng Bắc Ninh và Viện Thông tin khoa học xã hội.

\* *Bảo tàng Bắc Ninh*

- Bia "Tu tạo tiên hiền tiến sĩ bi", khắc khoảng 450 chữ Hán trên 2 mặt, kích thước (74 x 133 x 20)cm, đặt trên lưng rùa; trán bia khắc nổi hình lưỡng long châu nguyệt, diềm khắc hình hoa lá trang nhã. Bia do tiến sĩ Phạm Công Quyển - người bản huyện soạn, Nguyễn Quang Thuận và môn đệ khắc chữ, dựng năm Chính Hoà thứ 12 (1691). Giá trị lớn của tấm bia này là khắc họ tên của 60 vị tiến sĩ và các giám sinh, sinh đồ, xã trưởng của Hội Tư văn ở từng tổng của huyện Lương Tài thời Lê - Mạc. Cách khắc bia như sau: dùng chữ nhỏ (bên phải) ghi niên hiệu vua, khoa thi, thứ bậc. Dòng chữ to đậm nét ghi khắc tên người đỗ, sau cùng là dòng chữ nhỏ ghi tên xã, với các mối quan hệ cha con, ông cháu đăng khoa (nếu có) và làm tới chức, tước gì. Trong danh sách các tiến sĩ được khắc trên bia, có hai vị tiến sĩ được khắc bổ sung sau khi dựng bia, vì tính năm đỗ của tiến sĩ Trần Trọng Đổng là 1736 và tiến sĩ Nguyễn Xuân Huy đỗ năm 1752 - đều đỗ sau khi dựng bia này (1691). Nội dung văn bia còn cho biết mục đích của việc khắc bia tạo dựng bia Văn chỉ như sau: "Các chức sắc trong Hội Tư văn huyện Lương Tài, phủ Thuận An từng lập Từ vũ phụng thờ tiên thánh, tiên sư, kính thờ hàng năm. Nhân đây bèn soạn tên các vị tiên hiền đăng khoa tiến sĩ qua các đời trước, tu luyện khoa danh cho đương thời, nêu khuôn phép cho hậu học, tuyển đạo thống cho Tư văn giữ gìn lâu dài". Bia được lưu ở Từ vũ huyện Lương Tài, ở xã Quảng Nạp (nay là xã Quảng Phú) và được Bảo tàng Bắc Ninh phục chế theo tỉ lệ 1/1 vào năm 2004 để lưu giữ tại Bảo tàng.

- Bia ở Từ chỉ huyện Yên Phong được khắc trên 2 mặt. Hàng chữ to khắc trên trán ghi "Hoàng triều Minh Mệnh thập bát tứ niên nhật nguyệt, Yên Phong Văn phái bi ký"- Nghĩa là: Bia đá Yên Phong Văn phái dựng khắc tháng 4 đời vua Minh Mệnh thứ 8 (1827). Phần 1 ghi: huyện ta (Yên Phong) được tạo lập từ rất xa xưa, với cái tên "Yên Phong" có lẽ mới đổi sau này. Mảnh đất này sùng thượng văn chương mà có nhiều người thuộc các đời trước tiến thân từ khoa cử học hành. Để có nơi hội họp, phụng thờ các bậc tiền nhân - những học gia tiến sĩ, quan tướng, giám sinh, huấn đạo, giáo thụ, cống sinh, môn sinh mà kiến lập Từ chỉ, nhằm biểu dương truyền thống tốt đẹp của tiền nhân, lưu truyền cho hậu thế muôn đời. Phần 2 của bia ghi khắc họ tên khoa danh 41 vị đại khoa của huyện theo thứ tự khoa thi - từ người đỗ đầu tiên của

huyện là Chu Xa (đỗ tiến sĩ năm 1433) đến người đỗ cuối cùng là tiến sĩ Lê Duy Đản (đỗ năm 1775). Trước đây, bia được đặt ở Từ chỉ Yên Phong, thuộc xã Yên Phụ, sau được sưu tầm về Bảo tàng Bắc Ninh, để bảo tồn và phát huy tác dụng.

- Bia "Hoàng triều Tự Đức Quý Hợi bi ký", xưa đặt tại Văn chỉ xã La Miệt, huyện Quế Dương. Bia dựng năm Tự Đức thứ 17 (1863), bằng chất liệu đá xanh, kích thước (43 x 142 x 13,5)cm. Nội dung bia ghi tên những người đỗ tiến sĩ, cử nhân trong làng. Theo nội dung văn bia, tiến sĩ Nguyễn Bình Trực (1555 - ?) đỗ khoa thi Kỷ Sửu, niên hiệu Hưng Trị 2 (1589), đời Mạc Mậu Hợp, quy thuận về nhà Lê. Ngoài ra, văn bia còn ghi những người có tâm công đức tiền của vào việc xây dựng văn chỉ của làng La Miệt, xã Yên Giả, huyện Quế Võ... Xưa bia thuộc văn chỉ xóm Ngoài, xã La Miệt (xưa xã La Miệt có 2 văn chỉ đặt ở xóm Ngoài và xóm Chùa), nay thuộc đất của gia đình ông Nguyễn Hữu Thông xóm 3, thôn La Miệt, xã Yên Giả, huyện Quế Võ. Năm 2008, chính quyền địa phương giao lại cho Bảo tàng Bắc Ninh lưu giữ và bảo quản lâu dài.

- Bia "Tiên Du văn chỉ bi ký", dựng năm Tự Đức thứ 20 (1867), kích thước (78 x 140 x 25)cm. Nội dung văn bia ghi việc: các quan viên của huyện bàn bạc chọn nơi dựng đặt từ vũ để tôn thờ các bậc tiên hiền, tiên triết - chấn hưng Nho học. Thấy xã Đại Sơn là nơi thuận tiện, bèn lập từ vũ, đặt ruộng tế, sắm đồ tế khí, định điều lệ. Nội dung điều lệ quy định: người viết văn tế phải có học vị cao; lệ mừng tiền đối với: tiến sĩ - mừng trưởng văn và 15 quan, phó bảng - mừng trưởng thơ và 10 quan, cả hai đều viết trên lụa đỏ. Các cử nhân mừng 5 quan, tú tài 3 quan, cả hai đều viết câu đối trên vải đỏ. Lệ viếng khi mất cũng quy định rõ từ phó bảng trở lên - câu đối viết trên lụa trắng, từ cử nhân trở xuống - câu đối viết trên vải trắng. Bia được đặt ở văn từ huyện Tiên Du, thuộc làng Đông, xã Đại Sơn, tổng Đông Sơn, huyện Tiên Du, nay đặt ở đình thôn Đông, xã Hoàn Sơn. Tấm bia ở Bảo tàng được phục chế nguyên bản theo tỉ lệ 1/1 của tấm bia lưu tại di tích.

- Bia "Bản tổng văn chỉ bi ký", dựng năm Tự Đức thứ 27 (1873), khắc chữ Hán trên 2 mặt, còn rõ nét. Mặt 1 khắc về những người đỗ đạt ở địa phương và những người có lòng hảo tâm công đức để tu sửa văn chỉ tổng Đình Tổ, huyện Siêu Loại. Mặt 2 ghi chép về quá trình hình thành và mở mở chợ Bút Tháp, tổng Đình Tổ. Bia có kích thước (80 x 150

x 15)cm, xưa được đặt ở văn chỉ thôn Đình Tổ và được chuyển về trưng bày tại Bảo tàng Bắc Ninh năm 2005.

- Bia “Quế Dương văn từ bi ký”, kích thước (68 x 130 x 18)cm, chất liệu đá xanh, cả hai mặt đều mòn gần hết chữ, chỉ còn sót lại hàng chữ khắc trên trán bia “Quế Dương văn từ bi ký” và 1 dòng sát lề bên phải, ghi: “...Quảng Lâm xã... đệ nhất giáp tiến sỹ cập đệ tam danh (thám hoa)...”. Xưa bia đặt ở văn chỉ huyện Quế Dương, thuộc xóm Đông, làng Bồng Lai, xã Bồng Lai, huyện Quế Dương (nay là huyện Quế Võ). Bia này đã được sưu tầm về Bảo tàng Bắc Ninh ngay sau khi phát hiện ra văn chỉ và các bia đá này (tháng 7/2008). Hiện ở địa phương vẫn còn lưu tấm bia “Quế Dương văn từ bi ký”, một mặt bị mòn hết chữ, mặt kia còn nguyên, ghi khắc những người công đức tiền của vào việc xây dựng, tu bổ văn từ năm Tự Đức thứ 36 (1884).

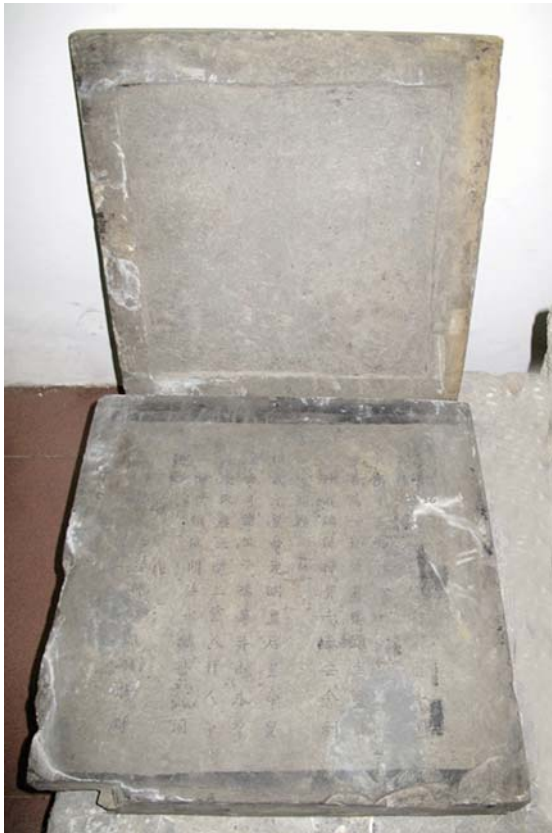
- Bia “Kim bảng lưu phương”, đặt trên lưng rùa, trán bia trang trí hình rồng chầu mặt nguyệt, diềm bia trang trí hình hoa lá cách điệu. Bia dựng năm Thành Thái nguyên niên (1889), còn rõ những dòng chữ Hán ghi danh các vị đại khoa thời quân

chủ chuyên chế ở tỉnh Bắc Ninh, từ khoa thi đầu tiên năm năm 1075 (niên hiệu Thái Ninh thời Lý, khoa Ất Mão, Lê Văn Thịnh người xã Đông Cúu, huyện Gia Định đỗ đệ nhất danh Trạng nguyên, khoa Minh kinh Bác học, làm quan Thái sư) đến khoa thi năm 1469, niên hiệu Quang Thuận - thời Lê, khoa Kỷ Sửu (Đệ tam giáp đồng tiến sĩ Đàm Văn Lễ, người xã Lâm Sơn, huyện Quế Dương, đỗ thi Hương, làm quan Thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ). Đây là hiện vật phục chế tỉ lệ 1/1 theo bia “Kim bảng lưu phương” tại Văn miếu Bắc Ninh.

- Bia “Bản tổng quyền tiến bi ký”, dựng vào thế kỷ XIX, kích thước (75 x 145 x 23)cm, còn rõ những dòng khắc chữ Hán trên 2 mặt. Mặt 1 ghi chép về việc những người quyền tiến công đức dựng bia. Mặt 2: “Văn khoa, võ khoa công điển tiến hiển bi”, ghi những người đỗ đạt văn khoa, võ khoa chủ yếu của thời Lê, từ tiến sĩ cho đến sinh đồ của tổng Đại Toán, huyện Quế Dương (nay là xã Chi Lăng, huyện Quế Võ). Trước đây, bia đặt ở văn chỉ tổng Đại Toán, được đưa về Bảo tàng Bắc Ninh năm 2004.

- Bia “Văn miếu tế điền bi ký”, dựng vào thế kỷ XIX, chất liệu đá xanh, kích thước (69 x 124 x 15)cm. Nội dung bia ghi về việc tế lễ, các ruộng đất để canh tác của các xã phục vụ cho việc tế lễ và tu sửa văn miếu huyện Đông Ngàn xưa. Bia được đặt trên lưng rùa, chữ khắc trên 1 mặt còn rõ nét. Xưa bia được lưu ở văn miếu huyện Đông Ngàn, thuộc làng Hà Khê, xã Vân Hà (nay thuộc Đông Anh, Hà Nội) và qua nhiều lần di chuyển đã gãy mất phần đầu bia, đến năm 1999 thì đưa về lưu trữ tại Bảo tàng.

- Bia “Tam Sơn xã đăng khoa bi ký” (văn bia về những người đỗ đạt xã Tam Sơn), do cụ nghệ Nguyễn Thiện Kế soạn năm Thành Thái thứ 14



Bia tháp Xá lị (Bắc Ninh) - Bảo vật quốc gia - Ảnh: Tư liệu Cục Di sản văn hóa

(1901), hiện còn ở chùa Tam Sơn cho biết, từ năm 1246 đến năm 1721, Tam Sơn có 16 bậc đại khoa, đủ cả trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa, tiến sĩ thuộc hai dòng họ Ngô - Nguyễn. Bia được phục chế năm 2007, kích thước (45 x 80 x 9)cm, được đặt trên lưng rùa.

Những tư liệu này là một minh chứng hùng hồn cho truyền thống hiếu học và khoa bảng tiêu biểu hạng nhất của tỉnh Bắc Ninh, hiện đang lưu giữ tại Bảo tàng. Ngoài ra, ở các địa phương của tỉnh Bắc Ninh còn có hệ thống những bia đá cổ, hiện được lưu trữ ở Văn miếu Bắc Ninh (văn miếu hàng tỉnh) và các văn từ, văn chỉ hàng huyện, hàng tổng và từ đường gia tộc thờ các nhà khoa bảng ở các địa phương.

### 2. Bia hậu thần/hậu Phật ở các di tích

Theo khảo sát của Bảo tàng thì hầu hết các đình, đền, chùa ở các địa phương đều có các bia hậu thần/hậu Phật. Hiện ở Bảo tàng Bắc Ninh lưu giữ một số lượng lớn, gồm 26 bia hậu, trong đó có một số bia tiêu biểu, như:

- Bia trùng tu đình xã Mão Điền, Thuận Thành, dựng năm 1587 (thời Mạc). Qua bia này, ta đọc được thông tin về quy định mức góp tiền tu sửa đình, 38 quan sẽ được bầu làm hậu thần, thu tô ruộng công điền 4,8 thăng thóc/1 mẫu, tên hậu thần và cách lập khoán ước bầu hậu thần.

- Bia "Phụng sự bi ký", dựng năm Chính Hòa thứ 17 (1696), kích thước (62 x 62 x 180)cm, có chóp mái, chạm khắc hoa văn đẹp. Những dòng chữ Hán được khắc rõ nét trên 4 mặt bia ghi về công lao Tư lễ Giám kiểm Thái giám Thực Nghĩa hầu Nguyễn Viết Thọ, người xã Lạc Nhuế, tổng Nguyễn Xá, huyện Yên Phong (nay là thôn Lạc Nhuế, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong), cùng vợ là Trịnh Thị Nghi đã có công lớn với bản xã nên được nhân dân lập bia đá ghi công đức và có trách nhiệm cúng giỗ vợ chồng ông.

- Bia "Khai Nghiêm bi ký", dựng năm Cảnh Thịnh thứ 5 (1797), ghi chép về việc xây dựng chùa Khai Nghiêm, thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, do Chính nghị Đại phu Trương Hán Siêu soạn vào thời Trần, trùng khắc vào năm Đinh Tỵ.

- Bia tượng phù điêu: hiện trong khuôn viên Bảo tàng có 2 tấm bia tượng phù điêu. Bia thứ nhất: "Hậu Phật tượng vị ký", được trang trí chạm khắc đẹp. Trán bia trang trí hình hoa dây, mây, móc. Thân bia chia làm 2 phần, chạm nổi chân

dung hai người trong tư thế ngồi thiền, 2 tay đan xen để trước ngực, chân xếp bằng, mặc áo thụng để hở cổ. Đây là tượng của bà Nhân Đầm Quý Thị và ông Nguyễn Quý Công là người có tâm công đức tiền của xây dựng chùa Bảo Quang (chùa Bụt Mộc), làng Sơn Đông, xã Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, nên được nhân dân tôn làm hậu Phật và dựng bia tượng để thờ. Bia thứ 2: "Hậu Phật tượng ký", dựng năm Cảnh Hưng thứ 14 (1753), tạc chân dung người hậu Phật ở chùa làng Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn. Tượng chân dung trong tư thế ngồi thiền, 2 tay xếp bằng, mặc áo thụng để hở ngực. Hai bên thành bia có khắc chữ Hán ghi công lao của người hậu Phật. Hai bia tượng phù điêu này đã được đưa về Bảo tàng để lưu giữ và bảo quản lâu dài.

- Bia "Phả Lại xã ký ký bi", dựng năm Tự Đức thứ 30 (1877), ghi chép việc gửi giỗ ở chùa Phả Lại, tổng Đào Viên, huyện Quế Dương (nay là xã Đức Long, huyện Quế Võ).

### 3. Bia gia phả

Loại hình gia phả chữ Hán hiện lưu trữ ở Bảo tàng Bắc Ninh khá nhiều, nhưng bia gia phả chỉ có một tấm duy nhất là bia "Mai tộc gia phả", dựng năm Bảo Đại thứ 16 (1944). Nội dung những dòng chữ Hán khắc trên 2 mặt bia cho chúng ta biết những thông tin quý giá về gia phả và 4 tiến sĩ của gia tộc họ Mai, thôn Trung, xã Đào Hương, huyện Quế Dương (nay là thôn Trung, xã Đào Viên, huyện Quế Võ).

### 4. Bia ghi về các bậc danh nhân, danh Nho của Bắc Ninh

- Bia "Lý gia linh thạch" (Đá thiêng nhà Lý), dựng năm Cảnh Thịnh nguyên niên (1793) tại chùa Tiêu (Thiên Tâm tự), xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Nội dung ghi chép về việc thụ thai Lý Công Uẩn của bà Phạm Thị như sau: "Chùa Thiên Tâm có Lý Vạn Hạnh, là người trụ trì tăng viện, người làng Cổ Pháp... Bà Phạm Mẫn người ở Hoa Lâm lên chùa đèn nhang gặp người thần ngẫu nhiên có thai sinh ra Lý Công Uẩn tại tam quan chùa Ứng Tâm, hương Cổ Pháp...".

- Bia "Bách thế vĩnh thùy - Sự thần y liệt", dựng năm Cảnh Hưng thứ 27 (1766) ghi chép về công lao to lớn của thám hoa Nguyễn Thế Lập được nhân dân Tân Thịnh, xã Bồng Lai, huyện Quế Võ tôn thờ làm Thành hoàng làng. Tấm bia hiện được đặt trang trọng tại đình làng thôn Tân Thịnh cùng với bia "Hậu thần bi ký - Vạn cổ như tân", khắc năm

1814. Theo nội dung văn bia và sử sách lưu truyền, thì ông Nguyễn Thế Lập là người xã Bồng Lai, tổng Bồng Lai, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh, 26 tuổi đỗ thám hoa, khoa Đinh Mùi, niên hiệu Bảo Thái thứ 8 (1727) đời vua Lê Dụ Tông. Ông làm quan đến chức Hàn lâm Thừa chỉ. Năm 1747, ông được cử làm Phó sứ sang nhà Thanh cống hiến lễ vật. Trên đường trở về, ông bị bệnh rồi mất, được vua Thanh ban gấm hoa và sai quan đến tế. Năm 1749, thi hài ông được đưa về nước và vua Lê truy phong là Công bộ Thị lang, tước Hầu. Đời vua Khải Định đã sắc phong cho ông là Quang ý Dục bảo Trung hưng Thượng đẳng thần. Tấm bia này được phục chế tỉ lệ 1/1 theo nguyên bản tấm bia lưu tại đình làng Tân Thịnh để lưu giữ và bảo quản lâu dài tại Bảo tàng.

- Bia "Hương hiền bi ký", dựng năm Thành Thái thứ 14 (1902), ghi chép về những danh nhân của làng Hoài Thượng, xã Liên Bão, huyện Tiên Du.

#### 5. Bia mộ

- Bia mộ dựng năm Chính Hòa thứ 7 (1686), làm bằng đá xanh, có chóp mái, kích thước (42 x 42 x 90)cm. Những dòng chữ Hán khắc trên 4 mặt bia cho chúng ta biết những thông tin về một vị quan ở thôn Rích Gạo, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn.

- Bia mộ của quan ba Pháp Ange Pisella bị tiêu diệt trong trận đánh tại khu vực núi chùa Đèo, Thị Cầu ngày 15/11/1925. Bia có kích thước (78 x 49 x 18)cm, khắc bằng tiếng Pháp.

- Bia mộ tổ họ Nguyễn khắc năm 1484, thuộc nhà thờ 18 vị tiến sĩ làng Kim Đồi, xã Kim Chân, thành phố Bắc Ninh, do Trạng nguyên Lương Thế Vinh soạn. Bia được ghép từ hai khối đá hình chữ nhật chập lại, một mặt khắc tên chủ nhân ngôi mộ, mặt bên chép về lai lịch dòng họ, công sinh thành nuôi dưỡng, giáo dục các con ăn học của cha mẹ và sự thành danh của các tiến sĩ.

#### 6. Cây hương

Hiện ở Bảo tàng Bắc Ninh đang trưng bày 3 cây hương đá có niên đại từ Lê Trung hưng (thế kỷ XVIII) gồm:

- Cây hương đá "Thiên hương thạch trụ" ở đền thờ Lý triều Thánh mẫu, dựng năm Vĩnh Thịnh nguyên niên, ghi chép việc dựng cây hương ở đền vào năm 1705: "Miếu đường xã Dương Lôi là nơi danh lam cổ tích, phụng thờ Lý Triều Thiên thánh hết sức linh thiêng, cho nên mọi người trong xã đã công đức dựng nên "Thiên hương thạch trụ" dâng tiến trước miếu điện..."

- Cây hương "Thạch trụ hương linh" dựng năm Kỷ Sửu 1757, ở chùa làng Tỳ Điện, xã Phú Khòa, huyện Lương Tài.

- Cây hương đá (mờ chữ) phát hiện dưới lòng đất tại Khu Công nghiệp Tiên Sơn, huyện Tiên Du.

#### 7. Bia ghi chép về việc xây dựng cầu

- Bia "Thạch kiều bi ký", dựng vào thế kỷ XIX, ghi việc làm cầu ở chùa Chanh, thôn Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn.

#### 8. Khánh đá

Trong hệ thống trưng bày còn có chiếc khánh đá phục chế tỉ lệ 1/1 theo chiếc khánh đá ở chùa Tam Sơn. Những dòng chữ Hán khắc trên 2 mặt khánh đá cho biết, thời điểm tạc khánh vào năm Dương Đức nguyên niên và ghi chép về việc họ Ngô ở Tam Sơn cung tiến vào chùa làng.

Đặc biệt, hiện Bảo tàng đang lưu giữ tấm bia "Xá lợi tháp minh" (số đăng ký BTBN 2135), được coi là "tấm bia cổ nhất Việt Nam". Thân bia có kích thước dài: 53,5cm, rộng: 45cm, cao: 8,5cm. Nắp bia: dài: 53,5cm, rộng: 45cm, cao 4cm. Phía dưới bia có phiến đá dài: 98cm, rộng: 39cm, cao: 17cm. Bia được tạo tác bằng đá xám, qua thời gian chất liệu đá vẫn còn giữ nguyên, nắp đậy cùng phiến đá phía dưới dùng để đặt bia được chế tác bằng chất liệu đá xanh, qua thời gian đá bị bào mòn và phong hoá, đôi chỗ đã bị sút mẻ nhỏ. Lòng bia khắc chữ Hán còn rất rõ nét, gồm 133 chữ, chia thành 13 dòng, dòng đầu khắc 4 chữ "Xá lợi tháp minh". Mặt chữ được đục bằng một nắp đá dày 4cm. Nội dung trên bia cho chúng ta biết được rất nhiều thông tin quan trọng về sự kiện dựng tháp và đặt xá lợi vào năm Nhân Thọ nguyên niên (601), đời vua Tùy Văn Đế ở chùa Thiên Chúng, huyện Long Biên, đất Giao Châu và nhiều thông tin quan trọng giúp cho việc nghiên cứu về tình hình chính trị, giao thông, quan hệ ngoại giao, lịch sử Phật giáo tại Việt Nam giai đoạn thời Tiền Lý. Hiện vật do ông Nguyễn Văn Đức ở thôn xuân Quan, xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh hiến tặng cho Bảo tàng Bắc Ninh. Ông Đức cho biết, trong quá trình đào đất để làm gạch ngói, ông đã phát hiện ra tấm bia và một số di vật khác ở khu đồng "Sau Chùa" (khu vực này xưa thuộc đất chùa), cách chùa làng Xuân Quan hiện nay khoảng 20m.

Tấm bia là một "di sản văn hoá vật thể độc đáo" ghi khắc về chùa Thiên Chúng, địa danh huyện Long Biên vùng đất Giao Châu, góp phần quan trọng minh chứng cho việc xác định địa danh Long

Biên cũng như tên chùa Thiền Chúng xuất hiện dưới thời Bắc thuộc vào thế kỷ thứ VII.

Ngoài những văn bia, văn chuông đang được lưu giữ và trưng bày, hiện vẫn còn rất nhiều di sản văn bia còn đang được lưu trữ tại các làng xóm, một số khác còn đang bị lớp bụi thời gian che phủ. Để bảo tồn hệ thống những di sản văn bia văn chuông được lưu giữ tại các địa phương, bảo tàng Bắc Ninh cũng đã dày công trong việc in dập và lưu trữ hơn 1.700 thạc bản Hán - Nôm ở các di tích trên toàn tỉnh, bao gồm:

- Bản dập văn bia và văn chuông có nội dung ghi chép về việc xây dựng đình, chùa, nghề, miếu, và các công trình công cộng ở địa phương; về việc đặt Hệu - gửi giỏ trong chùa và phong tục tín ngưỡng thờ cúng, tế lễ của địa phương, các gia tộc... Số lượng các bản dập văn bia này được thống kê gồm hơn 1500 thạc bản.

- Bản dập các bia có nội dung ghi chép về việc học hành, thi cử, lai lịch, học vị, khoa thi, chức tước, công trạng của các danh nhân khoa bảng ở các địa phương, gồm có các bia văn chỉ hàng huyện, hàng tổng và ở các xã thôn... Loại hình này số lượng không nhiều, khoảng gần 100 thạc bản.

- Các văn bia ngọc phả, thần tích ghi chép về thân thế, sự nghiệp của các nhân vật lịch sử được nhân dân địa phương thờ làm Thành hoàng hay những người có công với dân, với nước được nhân dân tôn thờ. Số lượng những trang bản dập loại này có khoảng 36 thạc bản.

- Văn bia mộ hay những đồ thờ tự, như ngai thờ, bài vị... Loại hình này số lượng rất ít, chỉ có khoảng 10 thạc bản.

Bảo tàng cũng đã tiến hành khảo sát và tổng hợp tư liệu thư tịch Hán - Nôm trên địa bàn toàn tỉnh để có những kế hoạch sưu tầm và dịch thuật. Cụ thể, theo thống kê, hiện nay trên toàn tỉnh còn lưu giữ được các tài liệu Hán - Nôm như sau:

- Thần tích: 303 cuốn;
- Sắc phong: 2.510 đạo;
- Bia đá: 1.278 bia;
- Cây hương đá: 68 cây;
- Chuông đồng: 200 quả;
- Hoàn phi/đại tự: 1.148 bức;
- Câu đối: 1.432 đôi;
- Khánh đá: 8 chiếc.

Ngoài các tư liệu thống kê trên, tại các địa phương còn có một số tư liệu khác, như ván khắc, biển chữ, bảng khắc chữ, văn tế, địa bạ, hương ước,

gia phả, kinh sách... Những tư liệu này hiện chưa có số liệu cụ thể, nhưng số lượng chắc chắn sẽ nhiều hơn tài liệu thần tích. Như vậy, có thể thấy được nguồn tài liệu Hán - Nôm trong dân gian vẫn còn rất phong phú, đa dạng mà Bảo tàng Bắc Ninh cần có những nghiên cứu sưu tầm và bảo quản.

*Vài nhận xét và đề xuất:*

Thứ nhất, việc lưu giữ và trưng bày hệ thống bia đá với nhiều nội dung phong phú của Bảo tàng Bắc Ninh đã thể hiện được tầm quan trọng trong công tác bảo tồn hệ thống di sản văn hóa Hán - Nôm của địa phương. Tuy nhiên, việc trưng bày này mới chỉ diễn ra dưới dạng ngẫu nhiên theo kiểu "lắp chỗ trống" mà chưa phân theo nhóm nội dung và có thuyết minh cụ thể. Điều này không những gây khó khăn cho công tác thuyết minh của Bảo tàng mà còn gây sự khó hiểu đối với khách tham quan.

Thứ hai, hầu hết các bia lưu giữ và trưng bày tại Bảo tàng chưa được phiên âm và dịch thuật để hậu thế có thể hiểu hết được những nội dung mà thư tịch Hán - Nôm muốn truyền tải.

Thứ ba, trong công tác bảo quản hiện vật của Bảo tàng vẫn còn bộc lộ điểm bất cập ở chỗ hầu hết những bia đá này đều đặt ở khuôn viên ngoài trời, không có mái che nên khó có thể bảo quản lâu dài. Một số hiện vật đã bị mờ số, gây khó khăn cho công tác kiểm kê.

Thứ tư, một số bản dập văn bia qua thời gian đã bị mờ chữ gây khó khăn cho công tác dịch thuật và nghiên cứu.

Trong bối cảnh hội nhập hiện nay, để bảo tồn và phát huy hơn nữa các di sản Hán - Nôm ở địa phương, Bảo tàng cần làm tốt các công tác sau:

- Trước hết, trong công tác trưng bày hệ thống bia của Bảo tàng cần được "chuyên nghiệp hóa" trong khâu xây dựng để cương cũng như những nội dung trưng bày cụ thể.

- Bảo tàng cần chú trọng nhiều hơn nữa trong khâu in dập và dịch thuật những văn bản Hán - Nôm, đặc biệt là về chất lượng các bản in dập để bảo đảm cho việc bảo quản được lâu dài.

- Biên tập xuất bản dưới dạng ấn phẩm các di sản văn hóa Hán - Nôm để kéo dài được tuổi thọ của hệ thống di sản quý giá này.

- Số hóa các văn bản Hán - Nôm ở các địa phương để thuận lợi cho công tác kiểm kê, sưu tầm và nghiên cứu./

Đ.T.ÂN - V.T